

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2019

V/v: ly hôn, nuôi con chung giữa anh D
và chị H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Chinh;

Ông Bùi Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2019/TLST- HNGĐ ngày 21/5/2019 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24 ngày 16 tháng 07 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Mai Khương D, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm Mỹ Hòa, xã HG, huyện HH, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm Mỹ Hòa, xã HG, huyện HH, tỉnh Nam Định. “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21 tháng 5 năm 2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Mai Khương D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Khương D và chị Trần Thị H đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 01 năm 2009 tại UBND xã Hải Giang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ

chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc ở nhà bố mẹ đẻ anh D đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng nghi ngờ nhau có mối quan hệ bên ngoài, tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, từ tháng 7 năm 2016 vợ chồng đã sống ly thân, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Đến ngày 23/4/2019 chị H về chung sống với anh D nhưng vẫn trong tình trạng ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc hôn nhân không thể kéo dài nên anh D làm đơn xin đề nghị xin được ly hôn với chị H.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Mai Trung Bảo, sinh ngày 05/8/2011 và cháu Mai Khánh An, sinh ngày 05/9/2016, hiện nay hai con đang sống cùng bố mẹ. Hai bên thống nhất thỏa thuận nếu vợ chồng phải ly hôn anh D nhất trí giao cả hai con chung cho chị H người nuôi dưỡng trực tiếp, đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H 1.000.000đ/tháng/con kể từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình.

Về tài sản và công nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đặc thù công việc của mình, anh D không bố trí được thời gian tham dự phiên tòa nên anh D đề nghị Tòa án được vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án và xin giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong bản tự khai.

** Quá trình tố tụng bị đơn chị Trần Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H có lời khai phù hợp với lời trình bày anh D về thời gian vợ chồng kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân. Tuy nhiên chị H mong muốn vợ chồng cho nhau một cơ hội đoàn tụ, nhưng nếu anh D quyết tâm ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về nuôi con chung: Chị H khai nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Mai Trung Bảo, sinh ngày 05/8/2011 và cháu Mai Khánh An, sinh ngày 05/9/2016. Nếu anh D quyết tâm ly hôn chị H đồng ý nhận nuôi dưỡng trực tiếp hai con chung, đồng ý mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/con kể từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình.

Về tài sản và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh D vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: anh Mai Khương D vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 ; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh D.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*:

Cuộc hôn nhân giữa anh Mai Khương D và chị Trần Thị H trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Hải Giang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 01 năm 2009 là hoàn toàn hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị H là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp và quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Anh D làm đơn xin ly hôn, chị H xác định vợ chồng có mâu thuẫn và đã có nhiều thời gian sống ly thân. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị H là sâu sắc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đề nghị xin ly hôn của anh D để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về nuôi con chung*: Xét yêu cầu ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận thống nhất về việc nuôi con sau khi ly hôn của anh D và chị H trong quá trình tố tụng tại tòa án trước khi tòa án xét xử thì thấy: anh D và chị H có 02 con chung là cháu Mai Trung Bảo, sinh ngày 05/8/2011 và cháu Mai Khánh An, sinh ngày 05/9/2016, hiện nay hai con đang sống cùng bố mẹ, anh D và chị H cùng nhất trí để chị H nuôi dưỡng con chung và anh D tự nguyện có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi con là 1.000.000 đ/tháng/con kể từ tháng 08 năm 2019 đến khi con chung thành niên. Xét nguyện vọng và sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con sau khi ly hôn của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận sự tự nguyện của hai bên đương sự về vấn đề thỏa thuận nuôi con chung cụ thể: giao hai con chung là cháu Mai Trung Bảo và Mai Khánh An cho chị H nuôi dưỡng trực tiếp, anh Mai Khương D có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng/con kể từ tháng 8 năm 2019 đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107; Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về chia tài sản và công nợ chung: Anh D và chị H không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí tiền cấp dưỡng nuôi con: Anh Mai Khương D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107; Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Mai Khương D và chị Trần Thị H.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh D và chị H là giao 02 con chung là cháu Mai Trung Bảo, sinh ngày 05/8/2011 và cháu Mai Khánh An, sinh ngày 05/9/2016 cho chị Trần Thị H là người nuôi dưỡng trực tiếp (hiện nay hai con chung đang sống cùng chị H), anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H là mỗi con là 1.000.000 đồng/ tháng/con, kể từ tháng 8 năm 2019 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí dân sự: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Anh Mai Khương D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0000430 ngày 21/5/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hải Hậu. Anh Mai Khương D còn phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản ;
- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- UBND xã Hải Giang: 01 bản;
- Cấp cho đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng